

# MỘT VÀI BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP NHẬN VĂN BẢN TRONG DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN

LÊ THỊ KIM CÚC\*

Ngày nhận bài: 30/10/2017; ngày sửa chữa: 31/10/2017; ngày duyệt đăng: 09/11/2017.

**Abstract:** Deaf students are limited in perception of sounds, including language sounds, so the reception of texts is difficult. In order to help deaf students to receive better texts of the secondary school Literature curriculum, teachers should take appropriate and specific measures based on the scientific basis of psychological characteristics of hearing impaired students as well as features of texts, theoretical issues of perceiving texts and objectives of the subject. Proposed measures in the article aim to help students with hearing impairment achieve the targets of the document reception process.

**Keywords:** Deaf students, receive text, teaching methods.

Học sinh khiếm thính (HSKT) là những người có sự suy giảm về sức nghe ở các mức độ khác nhau dẫn đến sự khó khăn trong tri giác âm thanh, trong đó có âm thanh ngôn ngữ, làm hạn chế khả năng giao tiếp bằng lời và ảnh hưởng đến quá trình nhận thức. Nói cách khác, sự phát triển tri giác nghe của HSKT không diễn ra như học sinh nghe bình thường. Đặc điểm về ngưỡng cảm giác và cơ chế bù đắp trong phát triển tri giác nghe làm cho quá trình ấy có nhiều điểm đặc thù. Vì vậy, dạy HSKT cần tuân thủ những đặc điểm này. Đây là nhiệm vụ của quá trình giáo dục điều chỉnh với các nội dung và phương pháp dạy học dựa trên những cơ sở khoa học về đặc điểm tâm - sinh lí (cảm giác - tri giác, nhận thức, trí nhớ, tư duy - tưởng tượng, ngôn ngữ...) của HSKT; về đặc trưng của văn bản nói chung, tác phẩm văn chương nói riêng; lí thuyết tiếp nhận văn bản cũng như mục tiêu của môn Ngữ văn trong nhà trường.

Hiểu được tầm quan trọng của vấn đề này, cùng với hơn hai năm trực tiếp dạy môn *Ngữ văn* cho học sinh điếc các lớp 6, 7, 8 ở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, nhân Hội thảo về giáo dục dành cho người điếc, bài viết chia sẻ một vài kinh nghiệm bước đầu trong việc dạy HSKT tiếp nhận văn bản.

## 1. Cơ sở lí luận

### 1.1. Vai nét về đặc điểm tâm lí của HSKT

#### 1.1.1. Đặc điểm cảm giác, tri giác của HSKT

Cảm giác, tri giác là nền tảng cảm tính của nhận thức. Trong những dạng cảm giác khác nhau, thì cảm giác nghe và cảm giác nhìn là hai loại cảm giác cơ bản nhất trong việc thu nhận thông tin, qua đó HSKT mới nhận thức được thế giới.

Trong việc tiếp nhận ngôn ngữ, cảm giác và tri giác nghe có một vai trò đặc biệt quan trọng. Trên cơ sở này diễn ra sự phát triển các hình thái chủ động và bị động của lời nói. HSKT do bị mất sức nghe, vì vậy,

sẽ mất luôn cả những kiến thức mà HSKT có thể tiếp nhận được nhờ cảm giác nghe đem lại. Trong đó, hậu quả nghiêm trọng nhất là việc HSKT không tiếp nhận được âm thanh lời nói. Sự phá hủy tri giác về tiếng nói của người xung quanh kéo theo sự phá hủy quá trình hình thành ngôn ngữ. HSKT không thể tự mình lĩnh hội được ngôn ngữ.

Nhưng cảm giác thị giác và cảm giác vận động có vai trò đặc biệt quan trọng với HSKT. Thị giác của HSKT đóng vai trò chủ yếu trong nhận thức thế giới xung quanh và trong việc tiếp nhận ngôn ngữ. Họ “nghe bằng mắt”. Quy luật bù trừ nhiều khi đem lại cho học sinh những khả năng vượt trội. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, cảm giác và tri giác nhìn ở HSKT không kém so với học sinh nghe, thậm chí còn tích cực và tinh nhạy hơn. Bởi vậy, HSKT thường để ý đến chi tiết nhỏ của thế giới xung quanh mà học sinh nghe không để ý.

Ngoài ra xúc giác và cảm giác vận động đóng vai trò quan trọng trong quá trình nhận thức của HSKT. Cảm giác vận động báo hiệu cho chúng ta vì sự vận động của các bộ phận của thân thể, mức độ căng của cơ cũng như sự vận động của cơ quan ngôn ngữ. Xúc giác-rung của HSKT là đặc thù và độc đáo nhất. Đây là phương tiện quan trọng trong tiếp nhận ngôn ngữ cho HSKT.

#### 1.1.2. Đặc điểm về trí nhớ của HSKT

Các kiến thức mà HSKT thu nhận được ít có tính khái quát. Bởi vì, trong quá trình ghi nhớ kiến thức, HSKT ít sử dụng thao tác so sánh. Bù lại, họ lại có khả năng ghi nhớ kiến thức trực tiếp bằng thị giác tốt hơn trẻ bình thường, vì họ có kinh nghiệm thị lực phong phú. HSKT gặp khó khăn trong việc ghi nhớ những tri thức được truyền tải qua ngôn ngữ nói, nhưng nếu được truyền tải bằng chữ viết thì khả năng ghi nhớ của

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

các em không thua kém gì so với HSN. Mặt khác, HSKT lại có khả năng vượt trội so với HSN ở cách sử dụng cử chỉ điệu bộ để biểu đạt thể hiện những cảm nhận của mình.

HSKT kém hơn trẻ nghe được trong việc ghi nhớ những từ biểu thị hiện tượng âm thanh. Trong khi đó, so với HSN, HSKT ghi nhớ tốt hơn những từ biểu thị chất lượng của những đồ vật tiếp nhận được nhờ xúc giác.

#### 1.1.3. Đặc điểm tư duy - tưởng tượng

Như chúng ta đã biết, ngôn ngữ là nhân tố quan trọng nhất hình thành các khái niệm, là phương tiện phát triển tư duy trừu tượng. HSKT bị hạn chế không chỉ quá trình hình thành tư duy mà cả quá trình hình thành trí tưởng tượng nữa. Điều này biểu thị ở chỗ, con người không thể lãng quên tình huống cụ thể, thay đổi nó, cải biến những thành tố riêng biệt của nó, thoát khỏi ảnh hưởng của cái trực tiếp đã có. Cùng với điều đó, là sự khó khăn hiểu được những ẩn dụ, những từ ở nghĩa bóng. Những đặc điểm của tưởng tượng ở HSKT có sự thiếu hụt là do sự hình thành ngôn ngữ chậm và tư duy trừu tượng hạn chế gây nên. Mặc dù hình tượng thị giác của trẻ điếc đạt mức độ cao và sống động, nhưng sự hình thành tư duy bằng khái niệm quá chậm, làm chúng rất khó thoát khỏi cái ý nghĩa cụ thể, nghĩa đen của từ, điều đó làm khó khăn cho sự hình thành hình tượng mới.

#### 1.1.4. Đặc điểm ngôn ngữ của HSKT

Tiếng nói và ngôn ngữ là công cụ mạnh mẽ để nhận thức thế giới xung quanh. Nhờ từ ngữ, con người có khả năng khái quát hoá, trừu tượng hoá. Con người có thể nhận thức cả những đặc tính của thế giới xung quanh mà sự quan sát, trí giác không thể cảm nhận được. Sự phát triển trí tuệ của HSKT phụ thuộc nhiều vào ngôn ngữ.

HSKT có vốn từ rất hạn chế, nghẽn ngãng rất khó khăn trong việc sử dụng ngôn ngữ nói, phát âm thường sai, không có sự cân bằng giữa những âm nghe được và âm phát ra... Đây là hậu quả nghiêm trọng nhất do tật thính giác gây ra. Trong trường hợp này HSKT mất luôn cả tư duy trừu tượng. HSKT rất khó khăn trong việc tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động giao tiếp nói chung trong các môi trường khác nhau. Sắc thái xúc cảm của từ là yếu tố rất quan trọng trong HSKT ít nhận thấy.

Sự phá huỷ thành phần từ của ngôn ngữ cũng có thể biểu hiện ở những hình thức khác nhau. Trường hợp nặng nhất là hoàn toàn không có khả năng tự chiếm lĩnh được từ (trường hợp điếc hoàn toàn). Trong những trường hợp khác thì điều đó có thể biểu hiện ở

sự nghèo nàn và cực kì hạn chế của từ vựng, sự dùng từ không sát đúng với ý nghĩa cơ bản của nó.

#### 1.2. Vài nét về văn bản trong sách giáo khoa Ngữ văn trung học cơ sở

Nội dung môn *Ngữ văn* được chia thành ba phần: phần Văn bản, phần Tiếng Việt và phần Tập làm văn. Trong các loại hình văn bản thì nhiều nhất vẫn là văn bản văn chương. Vì vậy, việc hiểu đặc trưng của văn bản văn chương cũng là một kênh giúp giáo viên (GV) xác định được những thuận lợi và khó khăn cũng như lựa chọn biện pháp dạy học phù hợp. trong quá trình tổ chức cho HSKT tiếp nhận văn bản.

Văn học là *bộ môn nghệ thuật*, lấy *con người* làm đối tượng nhận thức trung tâm, lấy *hình tượng* làm phương thức biểu đạt nội dung và lấy *ngôn từ* làm chất liệu xây dựng hình tượng. Nói cách khác, tác phẩm văn học là bức tranh sinh động về đời sống và con người. Qua bức tranh đó, người viết luôn muốn gửi gắm những tình cảm, tư tưởng và thể hiện thái độ của mình trước cuộc sống. Đồng thời, văn học là nghệ thuật ngôn từ. Ngôn từ của tác phẩm văn học có các đặc điểm như: tính chính xác và tinh luyện; tính hàm súc và đa nghĩa; tính hình tượng; tính biểu cảm. Ngoài ra, tác phẩm văn học còn thể hiện tính “phi vật thể” của hình tượng văn học.

Những đặc trưng này của tác phẩm văn học là một trở ngại lớn đối với HSKT trong quá trình tiếp nhận.

#### 1.3. Một vài đặc điểm của HSKT Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Bên cạnh những đặc điểm tâm lí chung của HSKT, HSKT Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương có một vài điểm cần lưu ý:

- Lựa tuổi không đồng đều do xuất phát điểm tới trường của HSKT khác nhau. Có em học đúng tuổi như HSN nhưng cũng có em học muộn hơn. Có em phải học đi học lại một lớp do không đủ điều kiện lên lớp...

- Mức độ khiếm thính của học sinh cũng khác nhau. Phần lớn HSKT bị điếc và câm. Một bộ phận nhỏ có thể nghe được và phát âm thành lời tuy “không tròn vành rõ tiếng”.

- Hầu hết các gia đình có con em là HSKT đều có sự quan tâm chu đáo nhưng cũng có một số gia đình chưa quan tâm đúng mức tới con em, có suy nghĩ lại thầy cô và nhà trường.

- Ngôn ngữ kí hiệu của nhiều em chưa đủ nhiều để phục vụ cho việc lĩnh hội văn bản.

- Một bộ phận HSKT ở kí túc xá của trường nên có điều kiện giao tiếp với nhau hàng ngày và giao tiếp với sinh viên.

- HSKT có nhiều cơ hội hòa nhập với sinh viên thông qua các hoạt động tập thể.

#### **1.4. Khả năng tiếp nhận văn bản của HSKT Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương**

Theo quan điểm của Ngữ pháp văn bản, văn bản có thể tồn tại dưới hình thức một câu, một đoạn văn hay một văn bản. Ở bài viết này, chúng tôi giới hạn phạm vi khái niệm văn bản là “sản phẩm của hoạt động giao tiếp ngôn ngữ ở dạng viết, thường là tập hợp của các câu, có tính trọn vẹn về nội dung, tính hoàn chỉnh về hình thức, có tính liên kết chặt chẽ và hướng tới mục tiêu giao tiếp nhất định” [6; tr 27]. Cách hiểu này giúp chúng tôi đưa ra những nhận xét khái quát về đặc điểm tiếp nhận văn bản của HSKT được dễ dàng hơn, phù hợp với khuôn khổ của một bài viết nhỏ.

Chúng tôi nhận thấy một số đặc điểm tiếp nhận văn bản của HSKT như sau:

- Khả năng hiểu nghĩa từ: HSKT có thể tự tra từ điển tìm nghĩa từ hoặc có sự trợ giúp của GV. Tuy nhiên, vì vốn ngôn ngữ kí hiệu của HSKT chủ yếu là vốn từ phục vụ cho giao tiếp, sinh hoạt hàng ngày của các em, vốn NNKH biểu thị các từ ngữ chuyên ngành Ngữ văn ít ỏi nên việc hiểu nghĩa từ gặp nhiều khó khăn, nhất là những từ ngữ đa nghĩa, những từ ngữ phải hiểu nghĩa bóng (thành ngữ); những biện pháp tu từ khó nhận biết nếu chỉ dựa vào bề mặt câu chữ (ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, tượng trưng...) trong văn bản.

- Việc chia đoạn và nêu ý của từng đoạn văn bản cũng là khó khăn không nhỏ với HSKT. HSKT khó khăn trong việc nắm ý của từng đoạn vì khả năng tư duy khái quát của HSKT hạn chế.

- HSKT còn hạn chế cả kiến thức nền về các lĩnh vực của cuộc sống tự nhiên, xã hội, mà tác phẩm văn chương lại là sự tổng hợp tất các lĩnh vực đó. Việc có thể hiểu được ý nghĩa văn bản (những điều sâu xa ẩn sau con chữ, phần chìm của “tảng băng trôi” (Hemingue); hay “ý tại ngôn ngoại”...) đối với HSKT là rất yếu. HSKT khó tư duy khái quát, trừu tượng, suy luận mà chỉ hướng chủ yếu đến tư duy cụ thể, trực quan, nhận diện. Vì vậy, trong khi tìm hiểu nội dung bài học, HSKT có thể trả lời được những câu hỏi tái hiện nhưng những câu hỏi suy luận, khái quát thì HSKT không trả lời được. HSKT rất khó hiểu ý nghĩa của một câu chuyện ngụ ngôn hay câu chuyện cười vì trí tuệ dân gian được ẩn giấu sâu sắc, là cách nói đầy ngụ ý. Vì vậy, thông thường, GV phải là người chủ động nêu những bài học, những ý nghĩa của văn bản.

- Đối với thơ trữ tình, HSKT không thể cảm nhận được cách diễn đạt của thơ (có vần, nhịp...) nên dạy thơ cũng phải diễn xuôi như văn xuôi, chỉ cốt nắm lấy ý chứ không cốt để cảm được ngữ điệu. HSKT cũng khó hiểu được cách diễn đạt bị câu thúc bởi dòng thơ,

cách diễn đạt “kiệm lời”, tinh lược, bỏ lửng... - những cách diễn đạt đặc biệt - của thơ.

- Cấu trúc ngữ pháp của NNKH cũng là một cản trở lớn đối với việc tiếp nhận văn bản của HSKT nên hiện tượng diễn đạt có vẻ “ngược” của tiếng Việt so với ngôn ngữ kí hiệu làm HSKT không hiểu hoặc hiểu sai nội dung thông báo của câu.

- HSKT rất ngại đọc những văn bản dài nên rất khó nắm bắt được nội dung văn bản. Thường thì đối với văn bản tự sự, có thể tóm tắt để HSKT nắm được cốt truyện. Nhưng những văn bản như thơ trữ tình, văn bản tự sự giàu yếu tố miêu tả và biểu cảm thì rất khó tóm tắt.

- Việc hiểu giá trị nghệ thuật của văn bản cũng là khó khăn đối với HSKT.

Những khó khăn, hạn chế nêu trên của HSKT cũng chính là những khó khăn, hạn chế của GV trong quá trình dạy học văn bản.

### **2. Một vài biện pháp dạy HSKT tiếp nhận văn bản**

#### **2.1. Dẫn nhập**

Trong đề tài “*Biện pháp nâng cao khả năng đọc hiểu bài Tập đọc của HSKT lớp 4-5 học hòa nhập*”, tác giả Lê Văn Tạc nhận xét: Khả năng đọc hiểu văn bản của học sinh được đánh giá dựa trên các mặt/chỉ số sau: 1) Khả năng thực hiện hành động nhận diện ngôn ngữ, làm rõ nghĩa, hỏi đáp văn bản (giải mã bậc 1); 2) Giải mã chữ viết thành nghĩa (giải mã bậc 2). Theo quan điểm thông tin, bản chất của quá trình dạy học là giải mã bậc 2.

Cũng theo tác giả Lê Văn Tạc, đặc điểm tiếp nhận thông tin của HSKT dựa trên cơ sở thể mạnh của việc sử dụng các phương tiện giao tiếp như: ngôn ngữ nói, đọc hình miệng, ngôn ngữ kí hiệu, và giao tiếp tổng hợp. Tùy theo khả năng của HSKT, việc giải mã bậc 1 từ chữ viết sang tiếng nói được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương tiện khác nhau như chữ cái ngón tay, ngôn ngữ kí hiệu, hoặc kết hợp những phương tiện giao tiếp trên. Quá trình đọc hiểu của HSKT không nhất thiết phải tuần tự từ việc giải mã bậc 1 (nhận diện ngôn ngữ) đến giải mã bậc 2 (hiểu nội dung, ý nghĩa thông tin) mà có thể đan xen cùng một lúc như trong việc giải mã bậc 1 từ chữ viết thành ngôn ngữ kí hiệu (chuyển chữ viết thành khái niệm).

#### **2.2. Biện pháp**

**2.2.1. Giúp HSKT có khả năng thực hiện hành động nhận diện ngôn ngữ, làm rõ nghĩa, hỏi đáp văn bản (Giải mã bậc 1)**

- Ở nhà: GV yêu cầu HSKT chuẩn bị bài ở nhà trước khi đến lớp: Đọc văn bản; đọc kĩ phần *Chú thích* trong sách giáo khoa; Tra từ điển hoặc hỏi người thân... để tìm nghĩa từ chưa biết, chưa hiểu; Trả lời các câu hỏi

trong sách giáo khoa; Đọc thêm, tham khảo các thông tin liên quan đến bài học trên internet; Tập thể hiện văn bản bằng ngôn ngữ kí hiệu và chữ cái ngón tay.

- Trên lớp: GV giúp HS giải nghĩa từ, chú ý nghĩa của từ trong văn cảnh và gắn với kinh nghiệm sử dụng ngôn ngữ của học sinh; GV đọc văn bản bằng ngôn ngữ nói, đọc hình miệng, NNKH và chữ cái ngón tay (nếu cần); Yêu cầu học sinh đọc lại văn bản bằng ngôn ngữ kí hiệu và chữ cái ngón tay (cá nhân, nhóm, lớp); Giới thiệu bổ sung ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh (nếu có).

GV cần lưu ý:

- Chuyển cấu trúc câu của văn bản tiếng Việt sang cấu trúc câu của ngôn ngữ kí hiệu.

- Luôn có ý thức giúp HSKT mở rộng vốn từ thông qua văn bản.

#### 2.2.2. Giải mã chữ viết thành nghĩa (Giải mã bậc 2)

- Khả năng tiếp nhận của học sinh đặc biệt về cái chi tiết, trực quan nên GV cần viết bảng nhiều (sử dụng nhiều kênh chữ), sử dụng nhiều tranh ảnh minh họa, sơ đồ, bảng biểu... để học sinh điếc dễ tiếp thu nội dung văn bản. Đối với những trường hợp không thể cụ thể hóa, trực quan hóa thì HSKT rất khó tiếp nhận. Vì vậy, GV thường xuyên bổ sung những vốn sống, kinh nghiệm sống, kiến thức về văn chương và ngôn ngữ văn chương vào bài học để học sinh dễ dàng tiếp nhận những giá trị nội dung của văn bản văn chương hơn.

- HSKT có khả năng biểu cảm rất tốt nên GV tổ chức các hoạt động văn học nghệ thuật như đóng kịch đối với các tác phẩm tự sự cũng giúp trẻ hiểu hơn nội dung văn bản.

- Ngữ pháp ngôn ngữ kí hiệu của người điếc khó bộc lộ cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt nói chung, ngôn ngữ văn chương nói riêng nên học sinh điếc khó cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những giá trị nghệ thuật của các văn bản văn chương. GV thường xuyên sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu giữa cách diễn đạt thông thường với cách diễn đạt giàu hình ảnh, giàu biện pháp tu từ, từ nhiều nghĩa... để HSKT thấy được cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ và văn chương tiếng Việt.

- Việc mở rộng kiến thức và kĩ năng đối với học sinh điếc là rất hạn chế trong mỗi bài học. Tuy nhiên, tùy vào từng HSKT và tùy vào từng bài học mà GV thực hiện việc này một cách hợp lí, hiệu quả.

- Mỗi văn bản phản ánh một phương diện, một khía cạnh cuộc sống. Vì vậy, thông qua việc dạy văn bản, HSKT không chỉ được mở rộng vốn từ mà còn được thêm hiểu biết về cuộc sống. Vì vậy, những bài học ý nghĩa được rút ra sau mỗi văn bản là điều không thể rời bỏ, đại khái.

### 3. Kết luận

Văn bản là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Việc giúp trẻ tiếp nhận văn bản không chỉ là nhiệm vụ của GV Ngữ văn mà là của tất cả GV dạy các môn học trong nhà trường. L.S. Vygotsky cho rằng: Khiếm thính là một sự không may rất lớn đối với con người vì nó cản trở sự giao tiếp giữa người đó với những người xung quanh, với xã hội. Ông nhấn mạnh: "*Tự bản thân mù, điếc và những khiếm khuyết khác của cơ thể không làm cho người mang nó trở thành khuyết tật*" [2]. Một người khuyết tật tham gia vào các hoạt động chung của xã hội sẽ không cảm thấy mình là người khuyết tật và không cho những người khác lí do xem mình là người khuyết tật.

Hơn nữa, theo quan điểm giáo dục đặc biệt hiện đại, trẻ khuyết tật không phải chậm phát triển hơn so với trẻ bình thường cùng tuổi mà phát triển theo cách khác. "Không thể giản đơn xem tâm lí của HSKT bằng tâm lí của học sinh nghe trừ đi phần khiếm khuyết của thính giác và ngôn ngữ... Chính những khó khăn do khuyết tật gây ra lại là yếu tố kích thích con người vươn lên phía trước. Nội dung chính của giáo dục đặc biệt hiện đại là: mọi khuyết tật tạo ra kích thích cho quá trình bù đắp. Do vậy, việc nghiên cứu, giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ giới hạn ở việc xác định mức độ thiếu hụt, mà phải thường xuyên tính đến quá trình bù đắp trong sự phát triển của đứa trẻ" [2]. Đây chính là động lực lớn mà GV cần giúp HSKT thấu hiểu và không ngừng phấn đấu để hòa nhập xã hội một cách tốt nhất. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Minh Toán - Lê A - Đỗ Việt Hùng (2012). *Tiếng Việt thực hành*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Lê Thị Hằng (2008). *Đại cương về giáo dục trẻ khiếm thính* (Đề tài). Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng.
- [3] Nguyễn Thị Nhung (2011). *Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của một trẻ khiếm thính* (Tiểu luận). Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] James Clyde Woodward (Nguyễn Thị Hòa biên dịch, 2015). *Ngữ pháp những ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam* (Báo cáo Dự án IDEO 2012-2015).
- [5] Nguyễn Quan Uẩn (2000). *Những đặc điểm tâm lí của trẻ khiếm thính*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trung tâm Đào tạo và Phát triển Giáo dục Đặc biệt.
- [6] Lê Văn Tạc (2005). *Biện pháp nâng cao khả năng đọc hiểu cho trẻ khiếm thính lớp 4-5 học hòa nhập* (Báo cáo tổng kết đề tài, mã số MSB2003-49-53).
- [7] Phạm Tất Dong (2012). *Khuyến học*. NXB Dân trí.
- [8] Phạm Thành Nghị (2016). *Tâm lí học giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.